TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC
ISSN: 1859-1612
Journal homepage: https://tckhgd.dhsphue.edu.vn

Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Hàn Quốc: Một số thành tựu và triển vọng (1992–2022)

Trần Như Hiền

Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:
Ngày nhận bài: 11/01/2025
Ngày nhận bản chỉnh sửa: 24/3/2025
Ngày nhận đăng: 27/3/2025
Ngày xuất bản: 20/10/2025

Từ khóa:
Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc
Chính sách kinh tế
Thương mại

TÓM TẮT

Việt Nam chính thức đặt quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc vào ngày 22-12-1992. Theo dòng lịch sử của 30 năm hợp tác đó, quan hệ giữa hai nước cũng phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực, trong đó hợp tác kinh tế thương mại giữ vị trí quan trọng và đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Bài báo trên cơ sở phân tích bối cảnh lịch sử dẫn đến mối quan hệ chính thức giữa Việt Nam – Hàn Quốc vào năm 1992, từ đó, Đảng ta đã có những chủ trương điều chỉnh về chính sách đối ngoại trong mối quan hệ với Hàn Quốc trên lĩnh vực kinh tế thương mại, khái quát một số kết quả đạt được về hoạt động thương mại, về lĩnh vực đầu tư, viện trợ ODA... Trên cơ sở đó, rút ra kinh nghiệm lịch sử để vận dụng trong quan hệ hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước trong thời gian tới.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình phát triển của lịch sử nửa sau thế kỷ XX đến nay, đã và đang diễn ra nhiều biến đổi lớn lao trên phạm vi toàn thế giới. Xu thế từ đối đầu sang đối thoại, cùng tồn tại hợp tác và hoà bình. Từ trong xu thế đó, không một quốc gia nào, dù lớn hay nhỏ, phát triển hay đang phát triển lại có thể sống tách biệt với thế giới, và ngược lại mỗi quốc gia đều là một thành viên không thể tách tời cộng đồng quốc tế. Chính vì vậy, mỗi quốc gia đều phải nhanh chóng nắm bắt kịp thời xu thế quốc tế hoá để thích nghi với xu hướng mới trong quan hệ quốc tế. Trong bối cảnh trên, để bắt kịp và hoà chung nhịp độ phát triển của thế giới và khu vực, Việt Nam và Hàn Quốc cũng nhanh chóng thực hiện chính sách đối ngoại theo hướng mở rộng quan hệ quốc tế với tất cả các nước trên thế giới vì hoà bình, ổn định và phát triển.

Với Việt Nam, để hội nhập và phát triển cùng thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện chính sách đối ngoại mở rộng quan hệ quốc tế với tất cả các quốc gia nhằm duy trì hòa bình, ổn định và phát triển. Đại hội VI của Đảng đã xác định đường lối đổi mới toàn diện, trong đó chính sách đối ngoại được nhấn mạnh với mục tiêu "thêm bạn bớt thù". Tại Đại hội VII (1991), Đảng tiếp tục khẳng định: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các quốc gia, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Trước những biến chuyển lớn lao sau Chiến tranh Lạnh, việc phát triển quan hệ hợp tác quốc tế đã trở thành một trong những mục tiêu quan trọng trong chính sách đối ngoại của Đảng.

Với Hàn Quốc, Việt Nam đã nỗ lực không ngừng để phát triển mối quan hệ hợp tác. Sau Chiến tranh Lạnh, khi kinh tế trở thành trọng tâm trong xu thế toàn cầu hóa, Hàn Quốc nhận thấy Việt Nam có tiềm năng hợp tác mạnh mẽ trong nhiều lĩnh vực. Chính vì vậy, Hàn Quốc đã tích cực thúc đẩy quan hệ với Việt Nam.

Xuất phát từ yêu cầu phát triển của mỗi nước, dựa trên sự thống nhất về mục tiêu và lợi ích quốc gia, ngày 22 tháng 12 năm 1992, Việt Nam và Hàn Quốc chính thức ký Tuyên bố chung thiết lập quan hệ ngoại giao. Đến năm 2001, quan hệ giữa hai nước đã được nâng tầm thành quan hệ Đối tác toàn diện; và đến năm 2009, trở thành quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược. Đầu tháng 12 năm 2022, hai nước ra Tuyên bố chung nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện, mở ra một chương hợp tác mới, sâu rộng và cao hơn giữa hai nước.

Tác giả liên hệ: Trần Như Hiền;
Địa chỉ e-mail: trannhuhiendhsphue@gmail.com
DOI: https://doi.org/10.26459/jse.056.2025

Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển sâu rộng, từ hợp tác kinh tế, chính trị đến giao lưu văn hoá. Trong đường lối đối ngoại với Hàn Quốc, Đảng ta luôn được điều chỉnh và thay đổi để phù hợp với tình hình quốc tế và khu vực.

Nghiên cứu về chính sách đối ngoại Việt Nam - Hàn Quốc trong giai đoạn 1992-2022 trên lĩnh vực kinh tế thương mại không chỉ có giá trị đối với việc hiểu lịch sử quan hệ giữa hai quốc gia mà còn có ý nghĩa trong việc xây dựng chính sách đối ngoại của Việt Nam trong tương lai, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế toàn cầu. Chính vì vậy, bài viết về về quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Hàn Quốc (1992 – 2022) là vấn đề có giá trị lý luận và thực tiễn lớn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp phương pháp logic đồng thời, sử dụng phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, đối chiếu.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực tác động đến việc thiết lập quan hệ hợp tác Việt Nam – Hàn Quốc

Năm 1991, chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô (cũ) tan rã dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế. Trật tự thế giới được hình thành từ sau chiến tranh thế giới thứ hai trên cơ sở hai khối đối lập do Liên Xô và Hoa Kỳ đứng đầu (trật tự thế giới hai cực) tan rã, mở ra thời kì hình thành một trật tự thế giới mới. Trên phạm vi thế giới, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột, tranh chấp vẫn còn, nhưng xu thế chung là hoà bình, hợp tác và phát triển. Bên cạnh đó, nhiều nước trên thế giới vẫn tiếp tục xu thế chạy đua vũ trang làm cho các nước, nhất là các nước đang phát triển đổi mới tư duy đối ngoại, thực hiện chính sách đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế, mở rộng tăng cường liên kết, hợp tác với các nước phát triển để tranh thủ vốn, kỹ thuật và công nghệ, mở rộng thị trường, học tập kinh nghiệm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh. "Để tồn tại và phát triển cũng như bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, các nước phải nhanh chóng hoà nhập mạnh mẽ vào trào lưu cải cách bởi vì sức mạnh của một quốc gia bây giờ được chủ yếu bằng sức mạnh kinh tế - tài chính. Cách mạng khoa học kĩ thuật, đặc biệt là cách mạng thông tin đã dẫn tới việc hình thành nền kinh tế tri thức. Trào lưu cải cách thể chế và cơ cấu kinh tế ở mỗi nước là những nhân tố có tác động dây chuyền đang làm thay đổi cơ bản bộ mặt thế giới hiện đại" ("South Korea–Vietnam relations going from strength to strength", 2019, p. 10). Có thể thấy rằng, nhân tố kinh tế ngày càng có vị trí quan trọng, đang dần trở thành vị trí chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế quốc tế và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng. Chính sự tuỳ thuộc lẫn nhau sẽ nâng cao sự hiểu biết của các quốc gia, thuận lợi cho việc xây dựng môi trường hoà bình, hữu nghị hợp tác giữa các nước. Thực tế cho thấy rằng các nước muốn thoát khỏi sự biệt lập, tụt hậu, kém phát triển thì phải tích cực chủ động tham gia vào quá trình toàn cầu hoá. Để thích ứng với một thế giới nhiều mối quan hệ đa tầng, đa tuyến, Việt Nam và Hàn Quốc đã thực hiện điều chỉnh chính sách đối ngoại để hội nhập với nền kinh tế thế giới. Chính phủ Hàn Quốc đẩy mạnh các chương trình hợp tác kinh tế thương mại, tập trung vào khu vực Đông Nam Á, trong đó Việt Nam là một đối tác ưu tiên.

Trong giai đoạn này, Hàn Quốc triển khai Chính sách hướng Nam, nhằm mở rộng quan hệ với các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam - một thị trường đầy tiềm năng.

Xuất phát từ lợi ích của mình, ngày 22-12-1992, Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, mở ra giai đoạn hợp tác mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Việt Nam coi trọng việc hợp tác với các quốc gia có tiềm lực kinh tế mạnh như Hàn Quốc để thúc đẩy phát triển đất nước. Nguyên tắc hợp tác phải dựa trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và đôi bên cùng có lợi. Hợp tác kinh tế thương mại với Hàn Quốc là một bước quan trọng để hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trước sự thay đổi to lớn cuả tình hình quốc tế, trước các yêu cầu đổi mới của công cuộc phát triển kinh tế - xã hội trong nước, chính sách đối ngoại của Việt Nam có những điều chỉnh khá căn bản. Trong đó, chính sách đối với các nước nói chung và Hàn Quốc nói riêng đã chiếm vị trí ưu tiên và có tầm quan trọng trong hệ thống đối ngoại của Việt Nam. Tháng 6-1991, Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam ra tuyên bố quan trọng, đánh dấu sự điều chỉnh căn bản trong chính sách đối ngoại "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, p. 147) "phát triển quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á và châu Á – Thái Bình Dương phấn đấu cho một Đông Nam Á hoà bình, hữu nghị và phát triển".

Điều 14, Hiến pháp năm 1992 khẳng định: "Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hoà bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên thế giới…; tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng; tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"

(Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013). Công tác đối ngoại thể hiện trong Hiến pháp 1992 là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử lập hiến của Việt Nam.

Tranh thủ điều kiện quốc tế và khu vực có nhiều chuyển biến thuận lợi, tại Đại hội VIII (6-1996), Đảng ta nêu rõ: "tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015, p. 307), mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại, "xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015, p. 319). "Điều chỉnh cơ cấu thị trường để vừa hội nhập toàn cầu, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta và các đối tác. Chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc, với bước đi thích hợp" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015, p. 305). Đại hội xác định rõ quan điểm đối ngoại với các nhóm đối tác như: "tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN; không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị thế giới; đoàn kết với các nước đang phát triển, với phong trào không liên kết; tham gia tích cực và đóng góp cho hoạt động của các tổ chức quốc tế, các diễn đàn quốc tế" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015, pp. 304-305).

Đại hội IX của Đảng đã phát triển phương châm của Đại hội VII, đưa vị thế Việt Nam lên một tầm cao mới: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, p. 146). Đại hội nhấn mạnh định hướng đối ngoại về kinh tế: "Đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là hướng ưu tiên và là trọng điểm của kinh tế đối ngoại; điều chỉnh cơ cấu thị trường để vừa hội nhập khu vực vừa hội nhập toàn cầu, xử lý đúng đắn lợi ích giữa Việt Nam với các đối tác; chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc, với bước đi thích hợp: Thử nghiệm tiến tới thực hiện việc đầu tư ra nước ngoài, tạo nhiều điều kiện phát triển nền kinh tế, mở rộng thị trường kinh doanh" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996a, pp. 90-91). Như vậy, tại Đại hội IX, lần đầu tiên Đảng đề ra chủ trương xây dựng quan hệ đối tác với mô hình hợp tác ở mức độ cao hơn và quan trọng hơn, làm cơ sở cho việc tăng cường và làm sâu sắc hơn hệ với Hàn Quốc, đưa quan hệ đi vào chiều sâu, nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác.

Trước thực tiễn đổi mới của quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, Đại hội X (2006) của Đảng tiếp tục bổ sung, làm rõ chính sách đối ngoại đổi mới. Đại hội khẳng định quan điểm: "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững…" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996b, p. 112).

Đại hội XI (2011) của Đảng đánh dấu bước phát triển mới trong chủ trương hội nhập quốc tế với sự khẳng định: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, pp. 235-236), đồng thời chỉ rõ: "Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng cộng đồng ASEAN vững mạnh, tăng cường quan hệ với các đối tác, tiếp tục giữ vững vai trò quan trọng trong các khuôn khổ hợp tác ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương" (Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 1992).

Trên cơ sở những thành tựu hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và các Văn kiện Đại hội XI của Đảng đều khẳng định rõ quan điểm: "Chủ động tích cực và hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; tạo môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước". (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, p. 164). Nội hàm này thể hiện bước trưởng thành của ngoại giao Việt Nam với sự tham gia ngày càng tích cực, chủ động có trách nhiệm của Việt Nam đối với Hàn Quốc và tất cả các nước trên thế giới, góp phần củng cố, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, bổ sung, hỗ trợ hiệu quả cho ngoại giao song phương.

Điều 12, Hiến pháp 2013: "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới" (Nguyễn, 2011). Công tác đối ngoại thể hiện trong Hiến pháp 2013 là bước tiến quan trọng trong lịch sử lập hiến của Việt Nam.

Đại hội XII (2016) của Đảng tiếp tục nêu quan điểm củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược, trong đó có Hàn Quốc; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro. Việt Nam chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến

lược phát triển đất nước đến năm 2020. Mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại của Đảng luôn "đảm bảo lợi ích tối cao của quốc gia – dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển… Trên cơ sở vừa hợp tác vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững hoà bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, pp. 34-35).

Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) đã khẳng định phương hướng chung là: "**Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc** ("Đường lối đối ngoại của Đại hội XI…", 2011, p. 164).

Sự phát triển đường lối đối ngoại của Đảng đối với khu vực, đặc biệt là với Hàn Quốc thể hiện quá trình nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, thể hiện tầm nhìn chiến lược đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

3.3. Một số kết quả đạt được

Về hoạt động thương mại

Hàn Quốc hiện là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam (sau Trung Quốc và Mỹ); là thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản) và là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam (sau Trung Quốc). Kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc liên tục tăng trưởng. "Năm 1992 đạt 490 triệu USD, năm 1993 đạt 818 triệu USD, năm 1995 đạt 1,5 tỷ USD, năm 1996 đạt 1,8 tỷ USD, năm 1997 đạt 1,9 tỷ USD, năm 1999 đạt 1,5 tỷ USD, năm 2000 đạt 1,7 tỷ USD, năm 2001 đạt 2,1 tỷ USD, năm 2002 đạt 2,75 tỷ USD, năm 2003 kim ngạch thương mại đạt đến 3,116 USD (tăng gấp 6 lần so với năm 1992), năm 2004 đạt 4 tỷ USD, năm 2005 đạt 4,125 tỷ USD (Tăng gấp 8 lần so với năm 1992), năm 2006 đạt hơn 5 tỷ USD (gấp 10 lần so với năm 1992)" ("Viện trợ phát triển chính thức của Hàn Quốc cho Việt Nam…", 2022). Từ năm 2010 - 2015, kim ngạch thương mại song phương tăng gần 3 lần, từ 12,8 tỷ USD năm 2010 lên 36,55 tỷ USD năm 2015. Đặc biệt, sau khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) được kí kết và có hiệu lực vào tháng 12/2015 đã tạo cơ hội thúc đẩy kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam – Hàn Quốc liên tục tăng trưởng. "Năm 2019 tăng lên 67 tỷ USD (chiếm 40% tổng kim ngạch ASEAN – Hàn Quốc). Năm 2020, dù ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 nhưng kim ngạch thương mại song phương vẫn gần bằng với thời điểm trước khi diễn ra đại dịch – 66 tỷ USD và phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021 với kim ngạch song phương đạt 78 tỷ USD; 11 tháng năm 2022 đạt trên 80 tỷ USD" ("30 năm quan hệ thương mại Việt Nam – Hàn Quốc…", 2024).

Việt Nam và Hàn Quốc là đối tác quan trọng của nhau trong lĩnh vực thương mại, được thể hiện qua kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Hàn Quốc. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng mà các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc sản xuất (điện thoại và linh kiện, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, máy móc thiết bị phụ tùng) và các mặt hàng Việt Nam có thế mạnh, như: nông thủy sản, thực phẩm chế biến, dệt may, giày dép, đồ gỗ. Ngược lại, Việt Nam nhập khẩu từ Hàn Quốc mặt hàng là đầu vào của các doanh nghiệp FDI và nguyên, nhiên liệu công nghiệp, như: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, điện thoại các loại và linh kiện, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác, xăng dầu các loại, chất dẻo nguyên liệu, vải các loại, kim loại thường khác, linh kiện, phụ tùng ô tô, sản phẩm từ chất dẻo, sắt thép các loại… Đầu những năm thập niên 2010, mặt hàng dầu thô, dệt may và thủy sản là những mặt hàng mặt hàng xuất khẩu có trị giá hàng đầu, chiếm khoảng 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu. Từ năm 2015 trở đi, sau khi thiết lập quan hệ đối tác hợp tác chiến lược, cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam đã có những thay đổi rõ rệt theo hướng tập trung hơn vào hàng hóa chế biến và lắp ráp với tỷ lệ công nghệ cao hơn, các mặt hàng mà các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc sản xuất, như: điện thoại các loại và linh kiện, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, máy móc, thiết bị dụng cụ phụ tùng khác trở thành những mặt hàng có trị giá xuất khẩu hàng đầu, sau đó là các mặt hàng dệt may, thủy sản… Từ năm 2016, điện thoại và linh kiện trở thành mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc (năm 2016 đạt 2.748 triệu USD).

Về lĩnh vực đầu tư

Đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào Việt Nam tăng nhanh chóng qua từng năm, từ chỗ chỉ có 9 dự án với hơn 100 triệu USD năm 1992, đến năm 2007, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, khối lượng vốn tăng 552% và dự án tăng 96% so với năm 2005 (Văn phòng Văn hoá và Kinh tế của Việt Nam tại Đài Bắc, 2008). Năm 2008 đã thu hút được 64 tỷ đô, gấp 3 lần so với năm 2007 (Văn phòng Văn hoá và Kinh tế của Việt Nam tại Đài Bắc, 2008). Cuối năm 2008, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, cho nên khối lượng vốn và dự án FDI từ Hàn Quốc sang Việt Nam giảm mạnh trong giai đoạn 2009 – 2012. Mức đầu tư năm 2009 đạt mức thấp nhất, chỉ bằng khoảng 45% so với năm 2008 (Văn phòng Văn hoá và Kinh tế của Việt Nam tại Đài Bắc, 2008).

Giai đoạn 2013-2020, nền kinh tế Hàn Quốc bắt đầu khôi phục sau khủng hoảng, nên khối lượng vốn và số dự án của Hàn Quốc vào Việt Nam tăng mạnh trở lại với những dấu mốc mới trong quan hệ đầu tư hai nước với tổng vốn đầu tư là 14,3 tỷ USD (Văn phòng Văn hoá và Kinh tế của Việt Nam tại Đài Bắc, 2008). Năm 2013, khối lượng vốn đầu tư vào Việt Nam đạt 4,3 tỷ USD, xếp thứ 3 trong tổng số 54 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam sau Nhật Bản và Singapore. Đến giai đoạn 2015 – 2016, Hàn Quốc vượt qua Nhật Bản và Singapore, trở thành quốc gia đứng vị trí thứ nhất với tổng số vốn đầu tư đạt 6,9 tỷ USD, chiếm 28,81% tổng vốn FDI vào Việt Nam (Văn phòng Văn hoá và Kinh tế của Việt Nam tại Đài Bắc, 2008). Nguyên nhân chính dẫn đến sự đột phá này là tác động từ Hiệp định VKFTA có hiệu lực cuối năm 2015.

Giai đoạn 2017 – 2018, Hàn Quốc đứng thứ hai sau Nhật Bản về tổng số vốn đầu tư lên tới 62,56 tỷ USD. Năm 2019, tổng số vốn FDI từ Hàn Quốc đạt mức 7,92 tỷ USD, chiếm khoảng 20,8% tổng số FDI và trở thành nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam (Văn phòng Văn hoá và Kinh tế của Việt Nam tại Đài Bắc, 2008).

Năm 2020 do tác động của đại dịch COVID-19, nên tình hình đầu tư cũng theo đó giảm xuống chỉ còn 15,1% so với cùng kì năm 2019. Tuy nhiên, tính đến hết năm 2020, Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam nếu tính theo vốn lũy kế là 70,6 tỷ USD, chiếm 18,4% tổng lượng vốn FDI (Tổng cục Thống kê, 2021). Năm 2021 số vốn FDI tăng trở lại, đạt 7,4 tỷ USD.

Đến năm 2022, do suy giảm của nền kinh tế toàn cầu, cùng tác động từ cuộc xung đột Nga – Ukraine, vốn đầu tư từ Hàn Quốc vào Việt Nam đã giảm xuống 4,88 tỷ USD. Song, Hàn Quốc vẫn là đối tác đầu tư đưa ra các quyết định đầu tư mới cũng như mở rộng dự án đầu tư và góp vốn, mua cổ phần nhiều nhất (chiếm 20,4% số dự án mới, 32,6% số lượt điều chỉnh và 34,1% số lượt góp vốn, mua cổ phần).

Về viện trợ phát triển vốn ODA

Việt Nam là nước được Hàn Quốc ưu tiên trong lĩnh vực ODA và quy mô luôn ở vị trí tốp đầu, đứng thứ 2 hoặc 3 trong số khoảng 50 nhà tài trợ ODA chính cho Việt Nam.

Viện trợ không hoàn lại của Hàn Quốc chủ yếu do Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) thuộc Bộ Ngoại giao phụ trách. Theo số liệu thống kê của KOICA, từ năm 1993 đến năm 2003, KOICA đã cung cấp ODA cho Việt Nam với tổng trị giá 40,221 triệu USD với tộc độ tăng dần từ 995,241 nghìn USD năm 1993 lên 3,514 triệu USD năm 2003. Năm 2004, khối lượng ODA này tăng lên 9,789 triệu USD, gần gấp ba lần năm trước. Kể từ đó, vốn ODA của KOICA dành cho Việt Nam tăng khá đều đặn. Trong giai đoạn 5 năm gần đây từ 2016-2020, KOICA đã viện trợ 183,560 triệu USD với mức dao động từ 32 triệu đến 42 triệu USD/năm. Đáng chú ý là trong thời gian này, Việt Nam luôn đứng ở vị trí quốc gia được nhận ODA không hoàn lại nhiều nhất của Hàn Quốc tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chiếm gần 7,3% tổng ODA của Hàn Quốc cho toàn khu vực ("30 năm quan hệ Việt – Hàn…", 2022). Một số lĩnh vực được ưu tiên tài trợ là phát triển nông thôn, y tế, hạ tầng (giao thông, đô thị, cấp thoát nước), ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, năng lượng, quản lý nhà nước. Ngoài viện trợ do KOICA cung cấp, các cơ quan Chính phủ Hàn Quốc cũng có những chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ trực tiếp đối tác Việt Nam thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Các khoản vay ưu đãi với mức lãi suất thấp từ phía Hàn Quốc được cung cấp theo các điều khoản trong khuôn khổ Quỹ Hợp tác Phát triển Kinh tế (EDCF) do Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (Korea Eximbank) quản lý. Vốn vay ODA ưu đãi của Hàn Quốc chủ yếu dành cho các lĩnh vực hạ tầng kinh tế - xã hội như công trình giao thông, y tế, cấp thoát nước, đào tạo nghề… Từ năm 1993 đến hết năm 2020, Chính phủ Hàn Quốc ký hiệp định cho vay hoặc cam kết cung cấp tín dụng cho Việt Nam trị giá khoảng gần 4 tỷ USD với hàng trăm dự án đã và đang thực hiện (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2022).

Bên cạnh một số thành tựu đạt được trong quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Hàn Quốc (1992 – 2022) còn một số hạn chế: tỷ trọng quan hệ song phương Việt Nam – Hàn Quốc trong tổng quan hệ đối ngoại mỗi nước, nhất là trong lĩnh vực kinh tế còn thấp so với tiềm năng và triển vọng. Vẫn còn khoảng cách chênh lệch về trình độ khiến cho lợi ích của bên này trở thành bất lợi cho bên kia, ảnh hưởng đến tính chất hợp tác cùng có lợi trong quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc. Những vấn đề tồn tại và những vấn đề mới nảy sinh, nhất là cạnh tranh kinh tế, nếu không được giải quyết đúng đắn thì có thể tạo nên bất đồng, làm giảm sự chặt chẽ trong liên kết. Những bất cập trong chính sách và luật pháp sẽ làm ảnh hưởng nỗ lực phát triển quan hệ song phương. Thương mại song phương vẫn chiếm tỉ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch của hai nước. Tỷ trọng kim ngạch thấp và kéo dài sẽ làm giảm sự gắn kết giữa hai nước.

Từ những kết quả đạt được trong quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Hàn Quốc (1992 – 2022), có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về chiến lược kinh tế đối ngoại. Đặc biệt, ngày 19/4/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành và thông qua Quyết định số 493/QĐ – TTG: Phê duyệt chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá đến năm 2030. Đó là cơ sở để Đảng và Nhà nước thực hiện mục tiêu xuất nhập khẩu phát triển bền vững với cơ cấu cân đối, hài hoà, phát huy lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh, phát

triển thương hiệu hàng hoá Việt Nam, nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu, là động lực của tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Hai là, xây dựng chính sách mở cửa và thu hút đầu tư hiệu quả. Việt Nam chủ động cải thiện môi trường đầu tư, ban hành các chính sách ưu đãi đối với các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có Hàn Quốc. Việc tham gia các hiệp định thương mại song phương và đa phương, đặc biệt là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA), giúp mở rộng thị trường và thu hút nguồn vốn.

Ba là, thúc đẩy hợp tác thông qua các cơ chế song phương. Đẩy mạnh cơ chế hợp tác kinh tế, như Uỷ ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế, các diễn đàn doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức các cuộc gặp cao cấp, hội nghị xúc tiến đầu tư giúp hai bên kịp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hợp tác hiệu quả hơn.

Bốn là, phát huy vai trò của các doanh nghiệp trong quan hệ thương mại. Doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động học hỏi kinh nghiệm, nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng các tiêu chuẩn cao của thị trường Hàn Quốc.

Năm là, cần tận dụng hiệu quả của các hiệp định thương mại tự do (FTA). Các FTA, đặc biệt là VKFTA, đã mở ra cơ hội lớn nhưng cũng đặt ra thách thức về năng lực cạnh tranh. Việt Nam cần tận dụng tối đa các ưu đãi thuế quan, đồng thời cải thiện chất lượng sản phẩm để gia tăng xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Sáu là, cải thiện môi trường đầu tư và chính sách pháp luật, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư Hàn Quốc đầu tư lâu dài tại Việt Nam.

Từ những kinh nghiệm trên, Việt Nam có thể tiếp tục thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại với Hàn Quốc theo hướng bền vững, cân bằng và hiệu quả hơn. Việc tận dụng tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước và mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực mới sẽ là hướng đi quan trọng trong giai đoạn tới.

4. KẾT LUẬN

Trước sự thay đổi to lớn của tình hình quốc tế, trước các yêu cầu mới của công cuộc phát triển kinh tế - xã hội trong nước, chính sách đối ngoại của Việt Nam với Hàn Quốc có những điều chỉnh khá căn bản. Sự phát triển của đường lối đối ngoại của Đảng đối với Hàn Quốc thể hiện quá trình nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Những thành tựu đạt được trên lĩnh vực kinh tế thương mại giữa hai nước là kết quả của một quá trình của mối quan hệ hữu nghị, gắn bó, hợp tác trong 30 năm qua (1992 – 2022). Triển vọng hợp tác giữa hai nước trong tương lai là rất lớn, đặc biệt là khi các yếu tố hội nhập quốc tế và cam kết trong các thỏa thuận song phương tiếp tục được thúc đẩy.

Lời cảm ơn: Bài báo là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, mã số T24.XH.506.08

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2022, September 10). *Tổng quan quan hệ hợp tác Việt Nam – Hàn Quốc*. https://fia.mpi.gov.vn

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nhà xuất bản Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1996a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1996b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2015). *Văn kiện Đảng toàn tập* (Tập 55). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đảng toàn tập* (Tập 60). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đường lối đối ngoại của Đại hội XI và những phát triển quan trọng trong tư duy đối ngoại của Đảng ta. (2011, October 11). https://baochinhphu.vn

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. (2012, December 11). https://thuvienphapluat.vn

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. (2013, December 10). https://thuvienphapluat.vn

Nguyễn, K. H. (2011). *Ngoại giao Việt Nam góc nhìn và suy ngẫm*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

South Korea–Vietnam relations going from strength to strength. (2019, November 22). *Vietnam News*. http://vietnamnews.vn

Tổng cục Thống kê. (2021). *Các báo cáo phân tích và dự báo thống kê năm 2020*.

Văn phòng Văn hoá và Kinh tế của Việt Nam tại Đài Bắc. (2008, March 27). http://www.vietnamoffice-taipei.org/vnemb.vn/tinkhac/ns080327144350

Viện trợ phát triển chính thức của Hàn Quốc cho Việt Nam: 30 năm nhìn lại và định hướng. (2022, October 10). *VJOL*. http://vjol.info.vn

30 năm quan hệ Việt – Hàn: Nền tảng vững chắc cho tương lai. (2022, December 21). *NVSK – Thông tấn xã Việt Nam*. http://nvsk.vnanet.vn

30 năm quan hệ thương mại Việt Nam – Hàn Quốc và tính khả thi của mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên 100 tỷ USD. (2024, October 30). *Kinh tế và Dự báo*. http://kinhtevadubao.vn

Vietnam - South Korea Economic and trade relations: Achievements and Prospects (1992 - 2022)

Tran Nhu Hien

Department of Politics Education, University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:
Received 11 January 2025
Received in revised form 24 March 2025
Accepted 27 March 2025
Published 20 October 2025

Keywords:
Vietnam – South Korea relations
Economic policy
Trade

Corresponding author:
Tran Nhu Hien
E-mail address:
trannhuhiendhsphue@gmail.com

ABSTRACT

Vietnam officially established diplomatic relations with South Korea on December 22, 1992. Over the course of 30 years of cooperation, the relationship between the two countries has developed rapidly across many fields, with economic and trade cooperation holding a significant position and achieving many notable accomplishments. This article analyzes the historical context leading to the formal relationship between Vietnam and South Korea in 1992. Since then, our Party has adopted policies to adjust foreign relations with South Korea in the field of economic and trade cooperation, summarizing some of the achievements in trade activities, investment, and ODA aid. Based on this, historical experiences are drawn to be applied in the future economic and trade cooperation between the two countries.